|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm 9 | Nguyễn Xuân Phú | THCS Bảo Yên | Vật lí | Thanh Thủy | Giữa kì 1 lớp 6(Song song) |
| Nguyễn Thị Hồng | THCS La Phù | Hóa học | Thanh Thủy |
| Nguyễn Thị Thanh Toàn | THCS Thạch Đồng | Hóa học | Thanh Thủy |
| Nguyễn Thị Hạnh Nga | THCS Xuân Lộc | Hóa học | Thanh Thủy |
| Nguyễn Thị Thu Hường | THCS Đào Xá | Hóa học | Thanh Thủy |
| Mai Thị Lan | THCS Đào Xá | Sinh học | Thanh Thủy |

## MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6 (DẠY SONG SONG)

**I. MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 1 khi kết thúc nội dung chương I, II, V, VI.*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 9 câu, thông hiểu: 7 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1 điểm: 1,75; Thông hiểu: 2 điểm: 1,25; Vận dụng: 1,75 điểm: 2,0; Vận dụng cao: 0,25 điểm: 1,0)*

***-* Khung ma trận**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Tổng điểm****(%)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |  |
| **Sinh học** | **Mở đầu KHTN (3 tiết)**  |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  |  | 2 | **0,5** |
| **Tế bào (8 tiết)** |  | **2** |  | **2** | 2/3(1đ) |  | 1/3(1đ) |  | 1 | 3 | **3** |
| **Từ tế bào đến cơ thể (6 tiết)** |  | **1** |  | **1** | 1(1đ) |  |  |  | 1 | 2 | **1,5** |
| **Vật lí** | **Các phép đo(10 tiết)** | 1(1,75) | **2** |  | **1** |  |  |  |  | 1 | 4 | **2,5** |
| **Hóa học** | **Mở đầu KHTN (4 tiết)** |  | **1** | 1(0,5) | **1** |  |  |  |  | 1 | 2 | **1,0** |
| **Chất quanh ta (6 tiết)** |  | **2** | 1(0,75) | **1** |  |  |  |  | 1 | 3 | **1,5** |
| **Tổng câu** | 1 | **9** | 1 | **7** | 1,75 |  | 0,25 |  | 5 | 16 |  |
| **Tổng điểm** | **1,75** | **2,25** | **1,25** | **1,75** | **2,0** |  | **1,0** |  | **6** | **4** | **10** |
| **% điểm số** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |  |  | **100%** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | **Vị trí câu** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
| ***1. Sinh học*** |  |  |  |  |
| Chương I: Mở đầu về khoa học tự nhiên | **Nhận biết** | – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. | **1** |  |  | C1 |
| **Thông hiểu** | – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. | **1** |  |  | C10 |
| Chương V: Tế bào | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.  | **1** |  |  | C3 |
| - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  | **1** |  |  | C2 |
| - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  |  |  |  |  |
| - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào). | **1** |  |  | C12 |
| - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). |  |  |  |  |
| - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào). | **1** |  |  | C11 |
| **Vận dụng** | Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| Chương 6: Từ tế bào đến cơ thể | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm mô | **1** |  |  | C4 |
| **Thông hiểu** | - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). | **1** |  |  | C13 |
| **Vận dụng** | - Thực hành:+ Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...);  |  | 1 | C20 |  |
| + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh;  |  | 1/3 | C21b |  |
| + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người. |  |  |  |  |
| - Vận dụng hiểu biết về tế bào để giải thích tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống. |  | 1/3 | C21a |  |
| **Vận dụng cao** | - Vận dụng hiểu biết về chức năng của tế bào để chứng minh tế bào có nhiều hình dạng khác nhau |  | 1/3 | C21c |  |
| ***2. Vật lý*** |  |  |  |  |
| Chương I: Mở đầu về khoa học tự nhiên (Các phép đo) | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. | **2** |  |  | C5, C6 |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. |  | 1 | C17 |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. | **1** |  |  | C14 |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước. |  |  |  |  |
| - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân. |  |  |  |  |
| - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
|  | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế. |  |  |  |  |
| - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |  |  |
| - Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại. |  |  |  |  |
| ***3. Hoá học*** |  |  |  |  |
| Chương I: Mở đầu về khoa học tự nhiên | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. | **1** |  |  | C7 |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. | **1** | 1 | C18 | C15 |
| Chương II: Chất quanh ta | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). | **1** |  |  | C9 |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |  |  |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| - Nêu được một số biện pháp để bảo vệ môi trường không khí. | **1** |  |  | C8 |
| **Thông hiểu** | Nhận ra được vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh trong thực tiễn |  |  |  |  |
| - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. |  | 1 | C19 |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. | **1** |  |  | C16 |
| – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CHÍNH THỨC** |  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2022 - 2023****MÔN: KHTN 6***Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)**(Đề thi gồm có 3 trang)* |

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

***Học sinh chọn phương án đúng ghi vào phần bài làm của tờ giấy thi***

**Câu 1.** Sử dụng kính lúp cầm tay như thế nào là đúng?

**A.** Đặt kính gần sát mắt.

**B.** Đặt kính rất xa vật.

**C.** Đặt kính gần sát vật rồi đưa kính ra xa dần để thấy rõ vật.

**D.** Đặt kính chính giữa mắt và vật.

**Câu 2.** Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

**A.** Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.

**B.** Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau,

**C.** Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.

**D.** Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

**Câu 3.** Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ là có

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** màng tế bào | **B.** nhân  |
| **C.** tế bào chất | **D.** nhân hoàn chỉnh |

**Câu 4.** Mô là gì?

 **A.** Tập hợp nhiều cơ quan có chức năng giống nhau

**B.** Tập hợp nhiều hệ cơ quan có chức năng giống nhau

**C**. Tập hợp nhiều tế bào có chức năng giống nhau

**D.** Tập hợp toàn bộ các tế bào trong cơ thể.

**Câu 5.** Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

**A.** inh. **B.** dặm.

**C.** hải lý. **D.** mét (m).

**Câu 6.**Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?



**Câu 7.** Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

**A.** Tâm lý học.

**B.** Khoa học Trái Đất.

**C.** Vật lý học.

**D.** Thiên văn học.

**Câu 8**. Biện pháp nào duy trì nguồn cung cấp oxigen trong không khí?

 **A.** Trồng cây gây rừng, chăm sóc cây xanh.

 **B.** Thải các chất khí thải ra môi trường không qua xử lí.

 **C.** Đốt rừng làm rẫy.

 **D**. Phá rừng để làm đồn điền, trang trại.

**Câu 9:** Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?

 **A**. Hòa tan muối vào nước.

 **B.** Đun nóng bát đựng muối đến khi có tiếng nổ lách tách.

 **C.** Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng.

 **D.** Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen.

**Câu 10.** Vật nào sau đây là vật sống?

**A.** Con robot.

**B.** Con gà.

**C.** Lọ hoa.

**D.** Trái Đất.

**Câu 11.** Từ 1 tế bào ban đầu sau 3 lần phân chia liên tiếp sẽ tạo ra số tế bào con là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 32  | **B.** 4  | **C.** 8  | **D.** 16 |

**Câu 12.** Tế bào động vật không có bào quan nào dưới đây?

**A.** Ti thể.

**B.** Không bào.

**C.** Ribosome.

**D.** Lục lạp.

**Câu 13.** Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn cơ thể đơn bào?

**A.** Nấm men, vi khuẩn, trùng biến hình.

**B.** Trùng biến hình, nấm men, con bướm.

**C.** Nấm men, vi khẩn, con thỏ.

**D.** Con thỏ, cây hoa mai, nấm rơm.

**Câu 14.** Cân một túi gạo, kết quả là 2089g. ĐCNN của cân đã dùng là:

**A.** 1g.

**B.** 2g.

**C.** 3g.

**D.** 5g.

**Câu 15.** Các biển báo trong hình dưới đây có ý nghĩa gì?



 **A.** Cấm thực hiện. **B.** Bắt buộc thực hiện.

 **C.** Cảnh bảo nguy hiểm. **D.** Không bắt buộc thực hiện.

**Câu 16:** Nước đựng trong cốc bay hơi càng nhanh khi:

 **A.** Nước trong cốc càng nhiều.

 **B.** Nước trong cốc càng ít.

 **C.** Nước trong cốc càng nóng.

 **D.** Nước trong cốc càng lạnh.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 17**. (1,75 điểm)

Cho các dụng cụ sau: đồng hồ bấm giây, thước dây, kính lúp,kéo, búa, nhiệt kế y tế, thước kẻ, cốc đong, cân khối lượng, ống hút nhỏ giọt. Bạn An thực hiện một số phép đo sau, em hãy giúp bạn bằng cách lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo sao cho thực hiện dễ dàng và cho kết quả chính xác nhất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Phép đo** | **Tên dụng cụ đo** |
| **1** | Đo thân nhiệt(nhiệt cơ thể) |  |
| **2** | Đo lượng nước cần pha sữa cho em hàng ngày |  |
| **3** | Đo khối lượng cơ thể |  |
| **4** | Đo diện tích lớp học |  |
| **5** | Đo thời gian đun sôi một lít nước |  |
| **6** | Đo chiều dài của quyển sách |  |
| **7** | Đo chiều dài cặp sách |  |

**Câu 18.** (0,5 điểm)

Kể tên những dụng cụ dễ vỡ, những dụng cụ hóa chất dễ cháy, những dụng cụ vật liệu mau hỏng trong phòng thí nghiệm.

**Câu 19.** (0,75 điểm)

 Xung quanh ta có nhiều chất khác nhau. Mỗi chất có những tính chất đặc trưng nào để phân biệt chất này với chất khác?

**Câu 20.** (1,0 điểm)

Vẽ cơ thể sinh vật đơn bào: trùng roi xanh và trùng giầy,

**Câu 21.(2,0** điểm)

**a.** Tại sao nói tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống?

**b.** Quan sát hình dưới đây rồi trả lời câu hỏi: Gọi tên các thành phần của tế bào tương ứng với vị trí 1, 2, 3, 4 trong hình. Thành phần nào có sự giống nhau ở tế bào thực vật và tế bào động vật?

 **c.** Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng khác nhau? Lấy ví dụ chứng minh.

**----------- HẾT ----------**

*Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*